

Số: 130 /BC-UBND

Thanh Trì, ngày 8 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và
phương hướng nhiệm vụ tháng 6 năm 2020

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 5

1. Nông nghiệp, nông thôn

Thu hoạch dứt điểm 22.898 ha lúa Đông xuân - đạt 99,7% kế hoạch (trong đó Tài nguyên 7.452 ha), năng suất bình quân 7,38 tấn/ha (tăng 0,14 tấn/ha so cùng kỳ) - đạt 101,1% kế hoạch, sản lượng 168.987 tấn, có 16.029 ha liên kết bao tiêu nông sản, chiếm 70% diện tích.

Xuống giống 14.348 ha lúa Hè thu - đạt 61,14%, với các giống lúa ST24, OM 18, Đài thơm 8, OM 4900, OM 5451,... Trong tháng có 415 ha lúa nhiễm sâu bệnh như: đạo ôn cổ bông, cháy bìa lá, rầy nâu, bù lạch, lem lép hạt...

Trồng mới 981 ha màu, lũy kế 6.107 ha (giảm 145 ha so cùng kỳ) - đạt 56,55%, (Màu xuống ruộng 595,67 ha); trong đó: màu lương thực 973 ha (khoai các loại, bắp,...), màu thực phẩm 5.134 ha (rau cải các loại, gừng, dưa hấu,...).

Đàn heo tăng 2.667 con, lũy kế 22.880 con (giảm 14.256 con so cùng kỳ) - đạt 57,2%; đàn trâu, bò tăng 993 con, lũy kế 8.934 con (trong đó đàn bò 6.626 con) (tăng 576 con so cùng kỳ) - đạt 75,71%; đàn gia cầm tăng 71.660 con, lũy kế 888.512 con (tăng 92.466 con so cùng kỳ) - đạt 68,35%. Diện tích nuôi trồng thủy sản tăng 181 ha, lũy kế 1.398 ha (tăng 73 ha so cùng kỳ) - đạt 32,51%, sản lượng 2.582 tấn. Thực hiện tốt công tác kiểm soát giết mổ, chủ động phòng chống dịch bệnh, đảm bảo ngăn ngừa các dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, không có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra trên địa bàn.

Đến nay, toàn huyện có 15 hợp tác xã, 331 tổ kinh tế hợp tác, 16 kinh tế trang trại hoạt động tương đối ổn định. Tổ chức 04 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng rau màu trên đất lúa, biện pháp phòng trừ dịch hại trên cây lúa....

Thực hiện tốt việc theo dõi, kiểm tra vận hành hệ thống cống để ngăn mặn, trữ ngọt đảm bảo sản xuất nông nghiệp. Độ mặn đo được ngày 27/5/2020 như sau: tại sông Nhu Gia 12,1‰, Kênh Chàng Ré 5,7‰, tại các cống trên địa bàn huyện không quá 0,6‰.

Do ảnh hưởng của mưa lớn kèm gió giật mạnh đã làm thiệt hại 21 căn nhà (Tuần Túc 1 căn, Thanh Trì 8 căn, Vĩnh Lợi 12 căn), ước tổng giá trị thiệt hại khoảng 175 triệu đồng.

Về xây dựng Nông thôn mới: hiện đang chuẩn bị hồ sơ, thủ tục đề nghị UBND tỉnh công nhận xã Vĩnh Thành đạt chuẩn nông thôn mới; đối với xã Lâm

Kiểm, các ngành tổ chức thẩm tra các tiêu chí và chuẩn bị hồ sơ gửi các Sở, ngành tỉnh thẩm định. Triển khai kế hoạch xây dựng 24 Pano tuyên truyền trực quan các xã NTM và NTM nâng cao; xây dựng 6 tuyến đường NTM kiểu mẫu ở 6 xã.

2. Công nghiệp, thương mại, dịch vụ

Toàn huyện có 335 cơ sở sản xuất kinh công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp hoạt động tương đối ổn định với 968 lao động, tuân thủ thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định. Giá trị CN - TTCN đạt 26,2 tỷ đồng, lũy kế 179,31 tỷ đồng (*tăng 100 tỷ đồng so cùng kỳ*) - đạt 26,37% so kế hoạch.

Trong tháng phát sinh 07 hộ đăng ký kinh doanh, nâng tổng số cơ sở trên địa bàn huyện là 3.914. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 21,15 tỷ đồng, lũy kế 1.872,5 tỷ đồng (*tăng 122 tỷ so cùng kỳ*) - đạt 44,58% kế hoạch.

Lắp đặt kéo điện mới cho 50 hộ (Khmer 08 hộ), lũy kế 225 hộ (trong đó Khmer 38 hộ).

Cấp 07 giấy phép công trình xây dựng dân dụng, với tổng diện tích 475 m², lũy kế 35 giấy với tổng diện tích 3.151 m².

Quan tâm thực hiện tốt công tác chỉnh trang đô thị, nâng cấp cải tạo hệ thống chiếu sáng thị trấn Phú Lộc, Hưng Lợi, trồng cây xanh trên địa bàn. Sắp xếp ổn định trật tự bến bãi đảm bảo an toàn giao thông phòng, chống dịch Covid - 19 trong tình hình mới.

3. Tài chính, tín dụng, đầu tư công

Tổng thu ngân sách huyện 57.777 triệu đồng, lũy kế 228.987 triệu đồng (trong đó thu theo chỉ tiêu 2.930 triệu đồng, lũy kế 14.827 triệu đồng (*tăng 3,9% so cùng kỳ*)) - đạt 47,75% so chỉ tiêu, gồm các nguồn thu chủ yếu như: thuế ngoài quốc doanh, lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân, thu phí - lệ phí. Tổng chi ngân sách huyện 35.161 triệu đồng, lũy kế 185.355 triệu đồng (chủ yếu là chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng cơ bản).

Trong tháng, giao bổ sung kế hoạch vốn 18.507 triệu đồng gồm 15 danh mục công trình (vốn ngân sách tỉnh trợ cấp có mục tiêu từ nguồn vốn xổ số kiến thiết thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM và nguồn kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020), nâng tổng số công trình triển khai là 85, với tổng kế hoạch vốn 208.047 triệu đồng. Hoàn thành đưa vào sử dụng 32 công trình, tỷ lệ giải ngân đạt 35,2% so kế hoạch.

Tổng huy động vốn Ngân hàng NN & PTNT là 462.580 triệu đồng, doanh số cho vay 104.686 triệu đồng; thu nợ 113.916 triệu đồng. Tổng dư nợ 594.500 triệu đồng, trong đó nợ xấu 1.870 triệu đồng, chiếm 0,31%/tổng dư nợ (*tăng 25% so cùng kỳ*). Ngân hàng CSXH đạt doanh số cho vay 5.693 triệu đồng, lũy kế 19.281 triệu đồng; thu nợ 4.026 triệu đồng, lũy kế 15.303 triệu đồng. Tổng dư nợ 358.561 triệu đồng, trong đó nợ quá hạn 3.858 triệu đồng chiếm 1,08%/tổng dư nợ (*giảm 73,35% so cùng kỳ*).

4. Văn hoá - xã hội, tài nguyên và môi trường

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của địa phương và các ngày lễ, kỷ niệm trọng đại của đất nước trên địa bàn huyện; xây dựng kế hoạch, thể lệ Liên hoan đờn ca tài tử Nam bộ huyện Thạnh Trị lần thứ IX năm 2020; đội Thông tin lưu động huyện phối hợp với đội thông tin lưu động thị xã Ngã Năm tuyên truyền, hỏi đáp về công tác phòng, chống dịch Covid-19 được 02 cuộc trên các tuyến đường thuộc địa bàn huyện.

Tiếp tục công tác quản lý dạy và học ở các cấp học theo phân cấp quản lý, tăng cường vận động học sinh đi học trở lại sau thời gian nghỉ phòng, chống dịch Covid-19; chỉ đạo các trường thực hiện nội dung tinh giản chương trình học kỳ 2 năm học 2019-2020 theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo; thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới sách giáo khoa năm học 2020-2021, chỉ đạo việc chọn sách theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng kế hoạch tuyển sinh vào trường THCS DTNT huyện năm học 2019-2020; thực hiện công tác tuyên truyền, tư vấn, phân luồng học sinh sau THCS trên địa bàn huyện; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho học sinh các xã đặc biệt khó khăn và chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 06/2018/NĐ-CP.

Chỉ đạo các ngành liên quan tiến hành họp xét, phân bổ nguồn vốn Chương trình 135 cho các xã, thị trấn theo Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2020. Triển khai thực hiện Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phân khai nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn các xã, thị trấn điều tra, rà soát cụ thể đến từng hộ dân có nhu cầu hỗ trợ theo Đề án số 07/ĐA-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng, đảm bảo đúng đối tượng, dân chủ, công khai, minh bạch và triển khai phân bổ nguồn vốn hỗ trợ theo quy định.

Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được đảm bảo; tình hình dịch bệnh luôn được theo dõi kiểm soát chặt chẽ, trong tháng không ghi nhận bệnh tay - chân - miệng, lũy kế 04 ca (*giảm 19 ca so cùng kỳ*); có 01 ca sốt xuất huyết, lũy kế 09 ca, 04 ổ dịch (*giảm 02 ca so cùng kỳ*); tuyên truyền đảm bảo VSATTP trên địa bàn huyện được 20 cuộc với hơn 560 lượt người tham dự.

Cấp phát kinh phí trợ cấp thường xuyên tháng 4 và tháng 5, tổng số tiền 3.016 triệu đồng; triển khai hỗ trợ các đối tượng do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn huyện theo Nghị quyết 42/NQ-CP, cho 18.174 người (thuộc 04 nhóm đối tượng gồm người nghèo, người cận nghèo, người có công và bảo trợ xã hội) tổng số tiền 16.116 triệu đồng; giải quyết việc làm lũy kế 2.066 người - đạt 59,03%, dạy nghề lũy kế 933 người - đạt 28,37%; đề nghị Tòa án nhân dân huyện áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 02 trường hợp.

Trong tháng, tiếp nhận 200 hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (có 10 giấy đăng ký ban đầu); kết quả đã cấp giấy 214 hồ sơ (09 giấy đăng ký ban đầu), lũy kế từ trước đến nay cấp được 61.223 giấy (35.423 giấy đăng ký ban đầu) với 26.452,25 ha đạt 99,98% diện tích đất phải cấp.

Hoàn thành báo cáo công tác kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng đất năm 2019 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Cấp 02 giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, lũy kế đến nay cấp 779 giấy. Trong tháng, Tổ kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản, đất làm vật liệu xây dựng thông thường tổ chức kiểm tra 04 lượt, qua kiểm tra phát hiện 02 cá nhân vận chuyển đất từ nơi khác đến san lấp mặt bằng, đã nhắc nhở và buộc ngừng khai thác lũy kế đã kiểm tra 18 lượt, lập biên bản 05 trường hợp khai thác không có giấy phép, 04 trường hợp vận chuyển đất từ nơi khác. Chuẩn bị các hoạt động tổ chức ngày Môi trường Thế giới 05/6 tại xã Vĩnh Lợi.

5. Quốc phòng - an ninh, thanh tra, tư pháp, nội vụ

Tuần tra, canh gác theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP được 138 cuộc với 828 lượt đồng chí tham gia. Xây dựng kế hoạch công tác phòng không nhân dân và Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân huyện. Tổ chức thẩm tra, xác minh lý lịch tuyển sinh quân sự năm 2020. Tổ chức huấn luyện các lực lượng theo kế hoạch.

Xảy ra 03 vụ 04 đối tượng có dấu hiệu tội phạm về trật tự xã hội (*giảm 02 vụ so với liên kê*), trong đó: cố ý gây thương tích 01 vụ 01 đối tượng, trộm cắp tài sản 01 vụ 01 đối tượng, cưỡng đoạt tài sản 01 vụ 02 đối tượng, đã đấu tranh làm rõ đạt tỷ lệ 100%, hiện các vụ việc đang tiếp tục kiểm tra, xác minh. Triệt xóa 10 điểm 92 đối tượng có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài, đá gà, bông vụ ăn thua bằng tiền, kết quả xử phạt hành chính 46 đối tượng với số tiền trên 72 triệu đồng, giáo dục cam kết 20 đối tượng, số còn lại đang xem xét xử lý; tiến hành thử test 25 đối tượng nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy, có 14 đối tượng dương tính, lập hồ sơ đề nghị áp dụng Nghị định số 111/NĐ-CP của Chính phủ 08 đối tượng, áp dụng Nghị định số 221/NĐ-CP của Chính phủ 02 đối tượng, xử phạt hành chính 04 đối tượng với số tiền trên 2,6 triệu đồng, giáo dục cam kết 11 đối tượng.

Tổ chức 98 cuộc tuần tra, kiểm soát trật tự an toàn giao thông; phát hiện 231 trường hợp vi phạm, xử phạt hành chính 154 trường hợp với số tiền trên 136 triệu đồng.

Trong tháng, có 12 lượt người dân đến yêu cầu, phản ánh (cấp huyện 05 lượt, cấp xã 07 lượt), qua đó đã hướng dẫn, giải thích và chỉ đạo đơn vị, địa phương giải quyết theo thẩm quyền. Tiến hành 01 cuộc thanh tra kinh tế - xã hội về tài chính ngân sách theo kế hoạch, lũy kế 04/06 cuộc thanh tra - đạt 66,66% kế hoạch.

Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; báo cáo kết quả tiếp dân theo Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật được 14 cuộc với 265 lượt người nghe. Hòa giải ở cơ sở, hòa giải thành 14/16 vụ đạt tỷ lệ 87,50%.

Thi hành án dân sự xong 382/747 việc có điều kiện thi hành đạt 51,13%; số tiền đã thi hành 4.454 triệu đồng/26.068 triệu đồng có điều kiện giải quyết đạt tỷ lệ 17,08%.

Báo cáo tổng kết thực hiện Luật Lưu trữ từ năm 2012 đến năm 2019, ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác với công chức, viên chức theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ năm 2020; kế hoạch công tác quản lý nhà nước về thanh niên; kế hoạch công tác văn thư, lưu trữ; kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính và công tác nội vụ năm 2020; kế hoạch phát động phong trào thi đua cùng chung sức phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Thực hiện kịp thời các chế độ chính sách, nâng lương thường xuyên, trước thời hạn, phụ cấp thâm niên nghề, thôi giữ chức danh, nghỉ việc... 99 trường hợp. Tặng giấy khen UBND huyện cho 07 tập thể và 17 cá nhân đạt thành tích trong công tác chuyển hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội năm 2019.

*** Nhận xét đánh giá chung**

Trong tháng, UBND huyện đã triển khai, thực hiện kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên, điều hành có hiệu quả các mặt công tác trên tất cả các lĩnh vực, tình hình kinh tế - xã hội của huyện phát triển ổn định, đảm bảo tiến độ kế hoạch đề ra: năng suất vụ lúa đông xuân tăng so cùng kỳ, xuống giống vụ lúa hè thu đúng lịch thời vụ đã khuyến cáo; công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi đảm bảo, thực hiện tốt các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu như hạn hán và xâm nhập mặn. Tuy bị ảnh hưởng không nhỏ do đại dịch Covid-19 nhưng giá trị CN-TTCN đạt khá. Thu ngân sách cơ bản đạt tiến độ đề ra, các công trình được quan tâm triển khai đúng quy định. Các nguồn vốn giải ngân kịp thời, nợ xấu từng bước được kiểm chế. Các mặt văn hóa - xã hội có tiến bộ; chính sách an sinh xã hội triển khai kịp thời; chủ động triển khai tốt công tác phòng, chống dịch bệnh. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được ổn định; công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại - tố cáo của công dân được quan tâm chỉ đạo chặt chẽ.

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn một số mặt hạn chế: công tác phòng tránh giảm nhẹ thiên tai tuy có chủ động nhưng vẫn có thiệt hại xảy ra (21 căn nhà); một số nguồn thu còn thấp như: thuế giá trị gia tăng đạt 28,24%, thu tiền sử dụng đất đạt 12,6%. Công tác quyết toán công trình hoàn thành còn chậm; tình hình an ninh trật tự, tệ nạn xã hội còn xảy ra.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THÁNG 6

1. Nông nghiệp, nông thôn

Tập trung theo dõi, chăm sóc tốt diện tích lúa Hè thu 2020 gắn liền kết với các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm đảm bảo đầu ra cho nông sản. Đẩy mạnh công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật, dự tính, dự báo tình hình dịch bệnh; tăng cường công tác tiêm phòng, kiểm soát giết mổ, vận chuyển, quản lý chặt tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm.

Tiếp tục theo dõi chặt tình hình xâm nhập mặn tại các kênh rạch trên địa bàn, để chủ động vận hành các công đảm bảo phục vụ sản xuất. Theo dõi tình hình diễn biến thời tiết trong mùa mưa nhằm triển khai thực hiện các phương án phòng

chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn kịp thời, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai, hỗ trợ kịp thời các hộ bị ảnh hưởng.

Tiếp tục triển khai thực hiện các mô hình, chương trình, dự án từ các nguồn vốn hỗ trợ đảm bảo đúng tiến độ gắn với theo dõi, kiểm tra các mô hình đã triển khai.

Hoàn thành hồ sơ, thủ tục đề nghị UBND tỉnh công nhận xã Vĩnh Thành đạt chuẩn nông thôn mới. Tập trung tiến độ thực hiện các tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu và các Pano tuyên truyền trên địa bàn các xã. Chỉ đạo các ngành phối hợp xã Lâm Kiệt khẩn trương hoàn thành hồ sơ, thủ tục thẩm tra đạt các tiêu chí nông thôn mới gửi các Sở, ngành tỉnh thẩm định.

2. Công nghiệp, thương mại, dịch vụ

Tiếp tục theo dõi chặt tình hình hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở hoạt động đảm bảo an toàn chống dịch trong tình hình mới. Sắp xếp ổn định tình hình mua bán ở các chợ, tạo điều kiện tốt cho việc trao đổi, lưu thông hàng hoá được thuận tiện, gắn với công tác phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường. Tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn huyện.

Tuyên truyền vận động nhân dân sử dụng điện tiết kiệm trong sản xuất và sinh hoạt. Tăng cường kiểm tra hành lang an toàn lưới điện; phòng chống tai nạn điện đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

Kiểm tra, duy tu và sửa chữa các tuyến giao thông nông thôn; tăng cường tuần tra kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hành lang lộ giới.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với công tác xây dựng dân dụng trên địa bàn; kiểm tra phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Sắp xếp ổn định trật tự bến bãi, quản lý tốt các phương tiện vận tải hành khách đảm bảo trật tự, an toàn.

3. Tài chính, tín dụng, đầu tư công

Đẩy mạnh công tác quản lý thu, chi ngân sách đảm bảo đúng quy định. Ngân hàng, tín dụng tăng cường củng cố nâng cao chất lượng tín dụng, giải ngân các nguồn vốn theo kế hoạch.

Đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân các công trình XD CB 2020, nhất là các công trình thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và các công trình trọng điểm chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện; tăng cường kiểm tra, giám sát, phát huy vai trò giám sát nhân dân, đảm bảo chất lượng khi đưa vào sử dụng. Đôn đốc các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành thủ tục quyết toán các công trình hoàn thành theo quy định.

4. Văn hóa - xã hội, tài nguyên và môi trường

Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương và kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước. Tổ chức các hoạt động nhằm tuyên truyền hưởng ứng Ngày gia đình Việt Nam 28/6 và tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình Việt Nam. Tăng cường kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, hoạt động văn hóa trên địa bàn.

Báo cáo kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, công tác cải cách tư pháp, thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm 2020. Tổ chức triển khai một số văn bản luật; ban hành Công văn chỉ đạo thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2020.

Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo công lập năm 2020; báo cáo công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020; đăng ký nhu cầu cử cán bộ, công chức, viên chức học các lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính, ngạch chuyên viên và bồi dưỡng ngạch kế toán viên chính, kế toán viên năm 2020; tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến cấp huyện giai đoạn 2015-2020.

Chuẩn bị các nội dung phục vụ kỳ họp thứ 14 HĐND huyện.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và phương hướng nhiệm vụ tháng 6/2020 của UBND huyện Thạnh Trị.

*** Nơi nhận:**

- VP. UBND tỉnh;
- TT. Huyện uỷ, TT. HĐND huyện;
- TV. UBND huyện;
- Các ban ngành cấp huyện;
- UBND các xã (TT);
- Lưu VT, VP. *tht*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
 U. CHỦ TỊCH
 QUỠ CHỦ TỊCH



Lên Lương

PHỤ LỤC
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 5/2020

(Kèm theo Báo cáo số 120 /BC-UBND ngày 8/6/2020 của UBND huyện Thanh Trì)



	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện tháng 5/2020	Tỷ lệ %	Ghi chú
I. Nông nghiệp - nông thôn						
1. Giá trị sản phẩm thu hoạch/ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản (theo giá hiện hành)	Triệu/ha	142	150		-	
2. Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh 2010)	tỷ đồng	3.022	3.037		-	
3. Cây lúa						
- Lúa cả năm						
+ Diện tích	Ha	55.196	55.175		-	
+ Năng suất	Tấn/ha	6,79	6,80		-	
+ Tổng sản lượng	Tấn	374.781	375.190		-	
TĐ: lúa đặc sản	%	72,47	80		-	
- Lúa thu đông 2019-2020						
+ Diện tích	Ha	8.550	8.743	8.937	102,22	
+ Năng suất	Tấn/ha	7,04	7,15	7,09	99,16	
+ Sản lượng	Tấn	60.192	62.512	63.363	101,36	
- Lúa đông xuân						
+ Diện tích	Ha	23.158	22.966	22.898	99,70	
+ Thu hoạch	Ha			22.898	100,00	
+ Năng suất	Tấn/ha	7,24	7,30	7,38	101,10	
+ Sản lượng	Tấn	167.664	167.652	168.987	100,80	
- Lúa hè thu						
+ Diện tích	Ha	23.488	23.466	14.348	61,14	
+ Năng suất	Tấn/ha	6,26	6,21		-	
+ Sản lượng	Tấn	147.035	145.724		-	
4. Mù và cây công nghiệp ngắn ngày	Ha	10.742	10.800	6.107	56,55	
- Năng suất	Tấn/ha	16	16		-	
- Sản lượng	tấn	171.872	172.800		-	
5. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản						

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện tháng 5/2020	Tỷ lệ %	Ghi chú
5.1 Đàn heo	Con	54.630	40.000	22.880	57,20	
5.2 Đàn trâu, bò	"	11.765	11.800	8.934	75,71	
+ TĐ : Bò	"	8.264	8.300	6.626	79,83	
5.3 Đàn gia cầm	1000 con	1.329,4	1.300	889	68,35	
5.4 Thủy sản	Ha					
- Diện tích nuôi thủy sản	"	4.023	4.300	1.398	32,51	
- Tổng sản lượng thủy sản	tấn	12.000	12.500	2.582	20,66	
6. Hợp tác xã	HTX	2 (lũy kế 15)	2 (lũy kế 17)			
7. Xã đạt 19 tiêu chí NTM	Xã		2		-	
- Xã đạt từ 16 tiêu chí NTM trở lên		2	3		-	
- Xã đạt NTM nâng cao			2			
8. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh nông thôn	%	100	100		-	
II. Công nghiệp						
9. GTSX công nghiệp	Tỷ đồng	300	680	179,31	26,37	
+ Hộ có điện mới trong năm	Hộ	465		225		
+ Hộ có điện mới là hộ khmer	"	88		38		
10. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội	Tỷ đồng	4.200	4.200	1.872,5	44,58	
III. Tài chính - ngân sách						
11. Tổng thu ngân sách	Triệu đồng	32.100	31.050	14.827	47,75	
- Thu cân đối	Triệu đồng		29.540			
IV. Văn hóa - xã hội						
12. Giáo dục						
12.1. Học sinh năm học	Học sinh	19.488	19.450		-	
- Mầm non	"	3.378	3.450		-	
+ Nhà trẻ	"	195	200		-	
+ Mẫu giáo	"	3.183	3.250		-	
- Tiểu học	"	8.809	8.600		-	
- Trung học cơ sở	"	5.069	5.200		-	
- Phổ thông trung học	"	2.232	2.200		-	

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện tháng 5/2020	Tỷ lệ %	Ghi chú
12.2. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đi học						
- Mầm non						
+ Nhà trẻ	%	15,03	15		-	
+ Mẫu giáo	"	86,99	90		-	
- Tiểu học	"	99,64	99,5		-	
- Trung học cơ sở	"	97,00	97		-	
- Phổ thông trung học	"	67,00	70		-	
12.3. Giáo dục không chính quy						
+ Phổ cập giáo dục tiểu học	Người	40	50		-	
+ Phổ cập giáo dục THCS	"	130	130		-	
+ Xoá mù chữ từ 15-60 tuổi	"	100	80		-	
12.4. Xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục TH	Xã	10	10		-	
- Xã, thị trấn đạt chuẩn GD tiểu học đúng độ tuổi	"	10	10		-	
12.5. Tỷ lệ xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập THCS	%	100	100		-	
13. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	76,19	85,71		-	
- Số Trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	4	4		-	
14. Dân số - KHHGD						
- Tăng dân số tự nhiên	%	0,93	0,90		-	
+ Tỷ suất sinh	%o	13,31	13,24		-	
+ Tỷ suất tử	%o	4,03	4,24		-	
- Giảm tỷ suất sinh	%o	0,05	0,07		-	
- Tỷ lệ áp dụng b/pháp tránh thai hiện đại	%	74,70	74,80		-	
15. Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã	%	100	100		-	
- Số xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế (theo tiêu chí mới)	Xã	10	10		-	
- Tỷ lệ xã có Bác sĩ phục vụ	%	100	100		-	
- Tổng số giường bệnh	Giường		150			
- Trẻ em < 5 tuổi SDD	%	10	10		-	
- Tiêm chủng đầy đủ trẻ em < 1 tuổi	%	90	99		-	
16. Tỷ lệ số dân tham gia bảo hiểm y tế	%	98,22	98		-	
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình	%	73,29	80,6		-	



Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện tháng 5/2020	Tỷ lệ %	Ghi chú
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc	%	93,35	97,6		-	
17. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100		-	
18. Giải quyết việc làm mới	Người	3.153	3.500	2.066	59,03	
+ Xuất khẩu lao động	"	33	30		-	
19. Dạy nghề (Kể cả dạy nghề tư nhân)	"	3.049	3.500	993	28,37	
20. Giảm tỷ lệ hộ nghèo (so với tổng số hộ)	%	4,87	3		-	
(trong đó: giảm tỷ lệ hộ nghèo người Khmer)	"	7,61	5		-	
- Số hộ nghèo giảm trong năm	Hộ	1.101	667		-	
+ Hộ khmer	"	581	377		-	
- Số hộ nghèo cuối năm	"	1.488	821			
+ Hộ khmer	"	814	437			
- Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm	%	6,69	3,69			
- Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo (so với tổng số hộ)	"	3,31	2		-	
+ Số hộ cận nghèo giảm trong năm	Hộ	1.127	445		-	
+ Hộ cận nghèo cuối năm	"	2.174	1.729			
+ Tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm	%	9,77	7,77			
V. Môi trường						
21. Cơ sở SXKD đạt tiêu chuẩn môi trường	%	99	100		-	
22. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đô thị công nghiệp dịch vụ đạt tiêu chuẩn môi trường	%	99	100		-	
23. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn đạt tiêu chuẩn môi trường	%	65	70		-	
24. Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải	%	100	100		-	

Ghi chú: Chỉ tiêu đàn gia súc, gia cầm tính lũy kế; học sinh đầu năm học tính thời điểm 03/9; chỉ tiêu hộ nghèo tính thời điểm 30/10